

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 26/2022/HC-GĐT

Ngày 29 - 8 - 2022

V/v khiếu kiện quyết định

hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, xử

phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Biên Thùy, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Quốc Hưng, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

+ Ông Ngô Tiến Hùng;

+ Ông Trần Hồng Hà;

+ Bà Đào Thị Minh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng và ông Lê Tiến, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Mai T, sinh năm 1973;

Cư trú tại: Số 36D/4 khu vực 4, phường HT, quận CR, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn C; cư trú tại số 480/31/2/12 BQ, phường 28, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Lê Văn U; cư trú tại số 245 ấp HTĐ, xã LH B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Anh D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng HP;

Địa chỉ: Số 212A đường 3/2, phường HL, quận NK, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư CS - HB tại xã AB, thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ phê duyệt ngày 31/7/2000 tại Quyết định số 50/2000/QĐ-UB, ngày 09/7/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UB thu hồi 196.976,2m² đất do các hộ dân sử dụng nằm trong quy hoạch khu dân cư CS - HB (giai đoạn 1) thuộc các tờ bản đồ 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 tọa lạc tại xã AB, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ).

Ngày 29/8/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 4300/QĐ-UB thu hồi 80m² đất thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 2 của bà Lê Thị Mai T tọa lạc lại ấp LN B, xã AB.

Ngày 27/5/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định số 1735/QĐ-CT.UB phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng công trình xây dựng khu dân cư CS - HB, theo danh sách đính kèm, bà T được bồi thường với tổng số tiền 3.528.000 đồng.

Do bà T không chấp hành quyết định thu hồi đất nêu trên nên ngày 18/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Mai T với số tiền 500.000 đồng về hành vi không chấp hành quyết định thu hồi đất quy định tại Điều 19 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; buộc bà T phải chấp hành Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 về việc thu hồi đất, đồng thời phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các vật kiến trúc hoa màu (nếu có) trên phần đất đã có quyết định thu hồi.

Không đồng ý với Quyết định số 2352/QĐ-UBND nêu trên, bà T có đơn khiếu nại.

Ngày 13/11/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 5950/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của bà T; giữ y nội dung Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK.

Do bà T không chấp hành các quyết định trên nên ngày 08/3/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1554/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính đối với bà T để thi hành Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 nêu trên.

Bà T tiếp tục khiếu nại.

Ngày 10/11/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 3070/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà T; công nhận Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ.

Năm 2012, bà T đã có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 và quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010. Tòa án nhân dân quận NK và Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã trả lại đơn khởi kiện của bà T do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ngày 13/01/2016, bà T tiếp tục có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 với lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05850.QSDĐ ngày 24/5/2002 không thuộc phạm vi Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng theo Quyết định thu hồi đất số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày:

Diện tích 80m² đất, thửa số 31 tờ bản đồ số 2 của bà Lê Thị Mai T bị thu hồi theo Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cũ (nay là quận NK) thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/2002 do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hải N. Nguyên nhân không cập nhật số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất là do đây là khu vực người dân tự phân lô chưa được thành phố Cần Thơ cũ cập nhật vào Bản đồ địa chính. Một phần là do bà T chậm nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thì việc đo đạc hiện trạng thửa đất để bồi thường là phải lập sơ đồ, số thửa mới, không quy định việc cập nhật số thửa trên giấy chứng nhận lên sơ đồ đo đạc hiện trạng bồi thường. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HP trình bày:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HP là đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giao đầu tư dự án khu dân cư CS - HB thuộc phường AB, quận NK, thành phố Cần Thơ. Bà Lê Thị Mai T có đất trong phạm vi quy hoạch xây dựng dự án nói trên.

Năm 2003, bà T đã nhận được quyết định thu hồi đất và thông báo nhận tiền bồi thường. Bà T không đồng ý với giá bồi thường, không nhận tiền theo thông báo và không chấp hành quyết định thu hồi đất mặc dù đã thương lượng nhiều lần. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận NK cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HP triển khai dự án. Nay, bà T khiếu nại, phía Công ty thống nhất với Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về giải quyết khiếu nại của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 21/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định: bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Mai T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/5/2018, bà T có Đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2019/HC-PT ngày 03/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T; sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Thảo; hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thu hồi đất của bà T.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 02/7/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2019/HC-PT ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/QĐ-VKS-HC ngày 30/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2019/HC-PT ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2019/HC-PT nêu trên; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư CS - HB tại xã AB, ngày 09/7/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định số 2246/QĐ-UB thu hồi 196.976,2m² đất do các hộ dân sử dụng nằm trong quy hoạch khu dân cư CS - HB (giai đoạn 1) thuộc các tờ bản đồ 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 tọa lạc tại xã AB, thành phố Cần Thơ, có lược đồ giải thửa kèm theo. Ngày 29/8/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 4300/QĐ-UBND thu hồi 80m² đất thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 2 của bà Lê Thị Mai T. Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là do bà T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hải Năm năm 2002 diện tích 80m² đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số U 978135 ngày 24/5/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Hải N.

[2]. Ngày 27/5/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định số 1735/QĐ-CT.UB phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng công trình xây dựng khu dân cư CS - HB, theo danh sách đính kèm, bà T được bồi thường với tổng số tiền 3.528.000 đồng. Không đồng ý, bà T khiếu nại và được giải quyết tại Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK và Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T.

[3]. Ngày 13/01/2016, bà T có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đề nghị hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ về việc thu hồi đất. Bà T cho rằng, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 28 của gia đình bà không nằm trong diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 2246/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ).

[4]. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Lê Văn U là người đại diện theo ủy quyền của bà T đã có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng TC (sau đây viết tắt là Công ty TC) tiến hành đo đạc, thẩm định tại chỗ để xác định lại vị trí đất của bà T ghi trong Quyết định thu hồi đất số 4300/QĐ-UB có số thửa, số tờ bản đồ có cùng vị trí đất so với số tờ, số thửa ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và có nằm trong Quyết định số 2246/QĐ-UBND về thu hồi đất hay không. Ngày 21/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tiến hành thẩm định tại chỗ có sự chứng kiến của ông Lê Văn U (là người đại diện theo ủy quyền của bà T). Theo Công văn số 13/TC-2018 ngày 13/4/2018 và Công văn số 15/TC.2018 ngày 27/4/2018 của Công ty TC thì: *Thửa đất của bà Lê Thị Mai T thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 28 theo hồ sơ địa chính (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05850 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 25/5/2002) đồng thời thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 2 theo Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003. Vì tờ bản đồ số 02, thửa số 31 là theo số hiệu phân tờ, phân mảnh của dự án và theo Quyết định số 2246/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ngày 09/7/2003, vị trí thửa đất này thuộc dự án khu dân cư (Khu A) CS - HB theo quy hoạch tại xã AB, thành phố Cần Thơ. Tại Công văn số 992/ĐĐBĐVN-CN ngày 29/10/2021 của Cục đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam về việc phúc đáp Công văn trao đổi nghiệp vụ của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cũng có nội dung: Các điểm tọa độ do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng TC đo đạc ngày 21/3/2018, sau khi chuyển lên bản đồ và nối các điểm có số hiệu từ 1 đến 4 để thực hiện tính diện tích cho kết quả: 79,951m²... khoảng cách chênh lệch giữa hai kết quả là 0,01mm đến 0,02mm. Do đó, có cơ sở khẳng định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của bà T ghi trong Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 28/9/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U978135 ngày 24/5/2002 là trùng về diện tích và cùng một thửa đất.*

[5]. Như vậy, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 2 theo Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 là trùng nhau. Bà T cho rằng kết quả thẩm định của Công ty TC không chính xác và đề nghị thẩm định lại là không có cơ sở. Ngoài ra, bà T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc thẩm định không khách quan, vì khi tiến hành thẩm định người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Lê Văn U có mặt xác nhận và ký tên vào Biên bản thẩm định ghi kết quả tọa độ tại chỗ, việc đề nghị Công ty TC thẩm định cũng là theo yêu cầu của bà T. Do đó, bà T cho rằng thửa đất bị thu hồi theo Quyết định số 4300/QĐ-UB không phải là thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2002 mang tên ông Nguyễn Hải N (sau này chuyển nhượng cho gia đình bà) và đề nghị hủy Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thu hồi 80m² đất thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 2 của bà T; yêu cầu Ủy ban nhân dân quận NK trả lại đất là không có cơ sở.

[6]. Do Quyết định số 4300/QĐ-UB nêu trên là có căn cứ nên các Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK về việc xử phạt bà T về hành vi không chấp hành quyết định thu hồi đất, Quyết định số 5950/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NK và Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Mai T là đúng pháp luật.

[7]. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vị trí đất ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và trên Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) là một và nằm trong Quyết định số 2246/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) là có căn cứ. Từ đó, bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đề nghị hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử bỏ sót yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đề nghị hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND và chưa xem xét đánh giá các quyết định có liên quan là chưa giải quyết triệt để vụ án, nhưng sai sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án

[8]. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng: *Theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 09/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, đã thể hiện: Thu hồi 196.976,2m² đất thuộc các tờ bản đồ số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 tọa lạc tại xã AB, thành phố Cần Thơ, giao cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng HP để đầu tư xây dựng khu (A) CS - HB. Theo Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì: Thu hồi diện tích 80m² đất, tại thửa số 31, tờ bản đồ số 02 của bà Lê Thị Mai T. Như vậy, đối chiếu hai quyết định trên thì diện tích đất bị thu hồi để giao cho Công ty HP, đầu tư xây dựng khu (A) Cái Sơn - Hàng Bàng, trong đó có đất tại tờ bản đồ số 2. Tuy nhiên, thực tế diện tích 80m² đất của bà T sử dụng tại thửa số 461, tờ bản đồ số 28 tại xã AB, thành phố Cần Thơ; hơn nữa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T đã cung cấp sơ đồ bản vẽ đất của Công ty HP được giao làm dự án và xác định diện tích đất của bà T nằm ngoài đường ranh giới dự án của Công ty HP. Tại phiên*

tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để xác định 80m² đất của bà T bị thu hồi giao cho Công ty HP, có trong Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 09/7/2003 của UBND thành phố Cần Thơ. Đến nay, người bị kiện chưa cung cấp chứng cứ để xác định 80m² đất của bà T tại thửa số 461, tờ bản đồ số 28 đã đổi thành thửa số 31, tờ bản đồ số 2. Do đó, Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thu hồi đất của bà T là trái pháp luật, từ đó chấp nhận kháng cáo của bà T, hủy Quyết định số 4300/QĐ-UB và Quyết định số 3070/QĐ-UBND là chưa xem xét đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/QĐ-VKS-HC ngày 30/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2019/HC-PT ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (để biết);
- TAND thành phố Cần Thơ (kèm HSVA);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vụ GDKT 3 (3b), VP, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Biên Thùy